

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ồ) THÔN BẮC PHỐ

(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08 /10/2026)

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN 1 (CŨ)					
1	3000560871	Trần Trung Tá	CN09230800036	Bắc Phố	51.000
2	3000598699	Trần Tuấn Khanh	047067620922	Bắc Phố	72.000
3	3000651409	Trần Quốc Pháp	CN09230800048	Bắc Phố	51.000
4	3001754728	Trần Anh Tuấn	047071050294	Bắc Phố	240.000
5	8193647363	Nguyễn Đình Tương	CN09230800063	Bắc Phố	53.200
6	8193647363	Nguyễn Đình Tương	CN4050923080000307537	Bắc Phố	51.000
7	8193647814	Thái Thị Oanh	047071050444	Bắc Phố	70.560
8	8193648060	Đinh Thị Hương	047071050446	Bắc Phố	93.600
9	8240760143	Dương Xuân Thành	047068174064	Bắc Phố	76.000
10	8240765039	Nguyễn Thị Tâm	047071050497	Bắc Phố	169.776
11	8240765039	Nguyễn Thị Tâm	047071050498	Bắc Phố	94.500
12	8241182992	Nguyễn Xuân Thạnh	047071050537	Bắc Phố	81.000
13	8465484936	Nguyễn Thế Nhân	047068131981	Bắc Phố	122.400
THÔN MAI HÀ (CŨ)					
1	3000808353	Hồ Thị Việt	047072169887	Bắc Phố	71.400
2	3000863347	Phạm Thị Thu Hoài	CN4050947040000274430	Bắc Phố	76.500
3	8455402356	Nguyễn Hoài Nam	047067917000	Bắc Phố	69.660
4	8618526921	Nguyễn Anh Hùng	047068501100	Bắc Phố	110.250
5	8828021645	Hồ Thị Lý	047067817410	Bắc Phố	318.150
6	8834153819	Nguyễn Thị Nữ	047067699624	Bắc Phố	736.540
7	8975455851	ĐOÀN THỊ TRANG	047072734635	Bắc Phố	137.700

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỏ) THÔN HƯƠNG PHỐ*(Kèm theo Thông báo số 401 /TB-UBND ngày 08/10/2026)*

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN 2 (CŨ)					
1	3000660604	Nguyễn Văn Toại	047042094492	Hương Phố	254.760
2	3000682157	Trần Hoài	047071050200	Hương Phố	684.000
3	3000683908	Nguyễn Quốc Tân	CN09230600676	Hương Phố	61.200
4	3000683908	Nguyễn Quốc Tân	CN09230600742	Hương Phố	59.832
5	3000683908	Nguyễn Quốc Tân	CN4050923060000307564	Hương Phố	51.854
6	3000868105	Phạm Lê Nam	CN09230600678	Hương Phố	59.832
7	3000897138	Hồ Xuân Thiệu	047072169911	Hương Phố	119.790
8	3000897138	Hồ Xuân Thiệu	CN09230900037	Hương Phố	148.200
9	3001158588	Tổng Thị Giang	047071050265	Hương Phố	116.340
10	8123714640	Nguyễn Thị Lê	047072268384	Hương Phố	65.940
11	8193646546	BÙI ĐĂNG QUANG	047067765981	Hương Phố	81.000
12	8193646546	BÙI ĐĂNG QUANG	CN09230700088	Hương Phố	78.000
13	8193646722	PHẠM VĂN DIỄU	CN09230700111	Hương Phố	75.900
14	8193647035	Dương Bá Tùng	CN09230700167	Hương Phố	99.720
15	8862376493	Nguyễn Thị Thiên	047071050875	Hương Phố	135.000
THÔN 3 (CŨ)					
1	3000560825	Hồ Lưu Mỹ	CN09230600735	Hương Phố	75.900
2	3000863227	Trần Quốc Việt	047071050227	Hương Phố	90.000
3	3001464151	Lê Thị Hoài An	047072169987	Hương Phố	79.200
4	8119582871	Đoàn Nhật Thành	047071050379	Hương Phố	108.000
5	8240760619	Nguyễn Hữu Phong	CN4050923060000308059	Hương Phố	151.700
6	8240760658	Nguyễn Đình Thái	CN09230600722	Hương Phố	75.900
7	8776475211	Lê Quốc Lập	047069679597	Hương Phố	487.500

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỗ) THÔN PHỐ CHÂU					
(Kèm theo Thông báo số 401 /TB-UBND ngày 08/10/2026)					
Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN 4 (CŨ)					
1	3000596388	Trần Văn Minh	CN09231000421	Phố Châu	62.640
2	3000780690	Hồ Xuân Linh	047040541895	Phố Châu	70.560
3	3000841093	Phạm Thị Xuân	CN09231000327	Phố Châu	94.080
4	3000841093	Phạm Thị Xuân	CN09231000328	Phố Châu	80.640
5	3000867888	Lê Quang Trung	CN09231000493	Phố Châu	180.000
6	3000904674	Nguyễn Anh Đức	CN09231000298	Phố Châu	68.040
7	3001475097	Nguyễn Quốc Thời	047068139014	Phố Châu	51.000
8	3001475097	Nguyễn Quốc Thời	047068143351	Phố Châu	60.000
9	3001475097	Nguyễn Quốc Thời	CN09230200360	Phố Châu	168.161
10	8193643111	Nguyễn Công Đức	CN09231000458	Phố Châu	90.000
11	8193643111	Nguyễn Công Đức	CN09231200061	Phố Châu	183.200
12	8193643111	Nguyễn Công Đức	CN09231400002	Phố Châu	163.200
13	8193646063	Phạm Quốc Tuấn	047071050439	Phố Châu	367.200
14	8193646063	Phạm Quốc Tuấn	047071050440	Phố Châu	207.360
15	8240758472	Nguyễn Thị Hương	CN09230200369	Phố Châu	318.632
16	8240758472	Nguyễn Thị Hương	CN09230200370	Phố Châu	360.000
17	8240766811	Trần Văn Hùng	CN09231800002	Phố Châu	84.000
18	8240767910	Nguyễn Viết Hải	CN09231000296	Phố Châu	56.000
19	8240768294	TRẦN Trường Sơn	CN09231000359	Phố Châu	59.500
20	8240768311	Nguyễn Công Khai	CN09231000364	Phố Châu	210.000
21	8240768449	Đào Viết Bài	CN09231000388	Phố Châu	65.450
22	8240768456	Lê Anh Tuấn	047067891315	Phố Châu	91.000
23	8240768495	Đoàn Văn Đồng	CN4050923100000307535	Phố Châu	65.450
24	8240768618	Đào Văn Đắc	CN09231000409	Phố Châu	59.500
25	8240768632	Lương Văn Giao	CN09231000417	Phố Châu	59.500
26	8240768720	Trần Văn Giáp	CN09231000431	Phố Châu	59.500
27	8240768777	Phan Duy Hòa	CN09231000437	Phố Châu	61.600
28	8240768801	Nguyễn Đình Tài	CN09231000440	Phố Châu	119.000
29	8240768833	Đặng Đình Hiền	CN09231000446	Phố Châu	76.460

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
30	8240768914	Lương Văn Tâm	CN09231000460	Phố Châu	119.000
31	8240769026	Nguyễn Trung Thành	CN09231000484	Phố Châu	74.250
32	8240769153	Phạm Minh Trương	CN09231000505	Phố Châu	88.875
33	8251984748	Hồ Đình Thủy	CN4050923070000308036	Phố Châu	75.820
34	8251985371	Nguyễn Ngọc Ánh	CN09231000293	Phố Châu	66.000
35	8315506179	Đặng Thị Nga	047071050598	Phố Châu	168.000
36	8336895649	Phạm Kiểm Hiệp	047068198398	Phố Châu	60.000
37	8343204074	Phan Duy Giáp	047069728411	Phố Châu	60.000
38	8343204074	Phan Duy Giáp	047071050613	Phố Châu	60.000
39	8498610784	Nguyễn Công Khai	047067399471	Phố Châu	61.600
40	8664888700	Nguyễn Công Hậu	047067713923	Phố Châu	198.000
41	8672334223	Hồ Nhật Mỹ	047069051415	Phố Châu	125.250
42	8878354262	Phạm Thị Dung	047068076016	Phố Châu	189.000
43	8911059644	PHAN ĐĂNG HOÀNG	047071050904	Phố Châu	298.500

THÔN 5 (CŨ)

1	3000352649	Nguyễn Xuân Dũng	047064486497	Phố Châu	346.500
2	3000630198	Phan Cao Oánh	CN09230400836	Phố Châu	162.820
3	3000682862	Phan Thị Thu Hoài	047069720456	Phố Châu	67.500
4	3000682862	Phan Thị Thu Hoài	047071050201	Phố Châu	90.000
5	3000888694	Trần Thị Sâm	CN09230400901	Phố Châu	53.208
6	3001059883	Lê Đức Phúc	047065987758	Phố Châu	72.000
7	3001455975	Đinh Nho Cường	CN09230300543	Phố Châu	51.000
8	3001464151	Lê Thị Hoài An	047040809962	Phố Châu	95.418
9	8193646585	PHÙNG MẠNH HÀO	047072172049	Phố Châu	120.000
10	8193647035	Dương Bá Tùng	047071050442	Phố Châu	141.000
11	8240759130	Nguyễn Quốc Luận	CN09231200087	Phố Châu	61.020
12	8240759596	Nguyễn Quốc Dũng	CN09230300520	Phố Châu	418.770
13	8240759606	NGUYỄN VĂN HÀ	CN09230300522	Phố Châu	77.100
14	8240760827	Trần Xuân Phương	CN09230400751	Phố Châu	52.360
15	8247847403	VÕ SƠN NAM	CN4050923040000275503	Phố Châu	153.000
16	8251984843	Nguyễn Việt Cường	CN09230300487	Phố Châu	52.200
17	8251984843	Nguyễn Việt Cường	CN09230300488	Phố Châu	115.592
18	8251984931	Nguyễn Văn Cảnh	CN09230400752	Phố Châu	69.300
19	8346643231	TRẦN QUỐC ANH	047041067511	Phố Châu	81.400

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
20	8353035555	Trần Văn My	047071050624	Phố Châu	90.000
21	8757341004	Lương Duy Khánh	047071050822	Phố Châu	103.680
			UBND XÃ HƯƠNG SƠN		

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỏ) THÔN TÂN PHỐ*(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08/10/2026)*

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN 8 (CŨ)					
1	3000231059	Nguyễn Thị Thanh Bình	047067599732	Tân Phố	67.200
2	8193648303	Trần Công Đức	CN09231600005	Tân Phố	65.800
3	8193648582	Trần Quốc Lân	CN09231600034	Tân Phố	67.200
4	8193649184	Trần Văn Như	CN09231600101	Tân Phố	67.200
5	8193649353	Nguyễn Xuân Đàn	CN09231600117	Tân Phố	168.000
6	8193649508	Trần Thanh Hải	047071050448	Tân Phố	84.000
7	8240761725	Phạm Xuân Dũng	CN09231500892	Tân Phố	98.000
8	8240761732	Đào Thị Trân	CN09231500893	Tân Phố	52.000
9	8240761771	Nguyễn Thị Hường	CN09231500897	Tân Phố	98.000
10	8240761813	Nguyễn Thị Quỳnh	047071050486	Tân Phố	476.000
11	8240761813	Nguyễn Thị Quỳnh	CN09231500902	Tân Phố	140.000
12	8240761820	Nguyễn Trường Giang	CN09231500903	Tân Phố	140.000
13	8240761838	Đào Thị Hồng Vân	CN09231500904	Tân Phố	140.000
14	8240761891	Nguyễn Xuân Hảo	CN09231500909	Tân Phố	98.000
15	8240762013	Nghiêm Quế	CN09231500921	Tân Phố	98.000
16	8240762126	Nguyễn Tiến Lệ	CN09231500933	Tân Phố	98.000
17	8240762246	Trần Thị Thanh	CN09231500946	Tân Phố	52.000
18	8240762380	Cao Thị Bình	CN09231500963	Tân Phố	98.000
19	8240762729	Lê Ngọc Phú	047069134975	Tân Phố	234.000
20	8240762849	Nguyễn Chí Công	047069099705	Tân Phố	52.480
21	8240772325	Nguyễn thị Lan	047071050516	Tân Phố	102.000
22	8526910817	Nguyễn Thị Nguyệt	047072737716	Tân Phố	63.000
23	8546589824	Phạm Thanh Hải	047072268851	Tân Phố	170.520
24	8787011839	Nguyễn Thị Hòa	047071050840	Tân Phố	120.000
25	8845582062	Nghiêm Thị Hương	047070333992	Tân Phố	84.000
26	8845582062	Nghiêm Thị Hương	047071050870	Tân Phố	108.000
27	8940513661	Bùi Thị Hương	047070342423	Tân Phố	61.460
28	8985138989	Phạm Quang Giáp	047072734866	Tân Phố	630.000

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN 9 (CŨ)					
1	3000116909	Tổng Trần Chung	047070991230	Tân Phổ	525.456
2	3000116909	Tổng Trần Chung	047070991231	Tân Phổ	189.200
3	3000755912	HÀ THỊ HIẾU	047071547112	Tân Phổ	63.000
4	3001081825	ĐIỆN THỊ KIM NHUNG	047039551213	Tân Phổ	140.938
5	3001081825	ĐIỆN THỊ KIM NHUNG	CN09231100159	Tân Phổ	172.900
6	3001150589	Lê Đức Thọ	CN09231100142	Tân Phổ	346.600
7	3001197562	Lê Thị Phương	047072268244	Tân Phổ	84.480
8	3001197562	Lê Thị Phương	CN09231100123	Tân Phổ	133.380
9	3001345066	Nguyễn Thị Hiệp	047068436749	Tân Phổ	98.000
10	3001379749	Phạm Đình Tuấn	047042084591	Tân Phổ	234.080
11	3002012775	Nguyễn Phương Nam	047071050300	Tân Phổ	66.000
12	8006285123	Nghiêm Tiến Dũng	047067828826	Tân Phổ	184.800
13	8107363441	Phạm Ngọc Tuấn	047069080323	Tân Phổ	361.725
14	8109570281	Hồ Xuân Dung	047068333614	Tân Phổ	1.230.240
15	8109570281	Hồ Xuân Dung	047068333614	Tân Phổ	63.037
16	8192498870	Nguyễn Thị Thành	CN09230900159	Tân Phổ	151.200
17	8193648832	Đào Viết Hậu	CN09231600063	Tân Phổ	65.800
18	8193910504	LÊ QUỐC THẾ	047072735972	Tân Phổ	64.260
19	8227323948	Trần Thị Phương	047069306642	Tân Phổ	60.840
20	8227387229	TÔ QUANG TRÍ	CN09231100001	Tân Phổ	2.391.120
21	8227387229	TÔ QUANG TRÍ	CN09231100001	Tân Phổ	645.052
22	8240765039	Nguyễn Thị Tâm	047072268511	Tân Phổ	75.780
23	8240765039	Nguyễn Thị Tâm	047072268512	Tân Phổ	60.300
24	8240769280	Lê Văn Giảng	CN09231100016	Tân Phổ	69.160
25	8240769315	Lê Văn Thanh	047039551288	Tân Phổ	592.800
26	8240769315	Lê Văn Thanh	CN09231100020	Tân Phổ	691.600
27	8240769467	Lê Văn Hạnh	CN09231100037	Tân Phổ	148.200
28	8240769717	Phan Xuân Thích	CN09231100063	Tân Phổ	553.280
29	8240769717	Phan Xuân Thích	CN09231100063	Tân Phổ	167.903
30	8240769925	Nguyễn Tiền Dũng	CN09231100089	Tân Phổ	88.920
31	8240769989	Lê Văn Hải	CN09231100095	Tân Phổ	84.000
32	8240770007	Phan Xuân Huy	CN09231100097	Tân Phổ	144.000
33	8240770159	Lê Anh Hà	CN09231100120	Tân Phổ	148.200

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
34	8240770180	Bùi Hòe	CN09231100126	Tân Phố	259.350
35	8240770215	Trần Văn Khanh	CN09231100129	Tân Phố	148.200
36	8240770247	Điện Thị Thu	CN09231100131	Tân Phố	50.400
37	8240770261	Lê Văn Tài	CN09231100133	Tân Phố	50.400
38	8240770328	Phạm Quang Dũng	CN09231100145	Tân Phố	67.200
39	8240770423	Trần Thị Vân	CN09231100155	Tân Phố	105.000
40	8240770494	Đỗ Văn Khuyên	CN09231100165	Tân Phố	172.900
41	8240770529	Đào Viết Thắng	CN09231100172	Tân Phố	67.200
42	8240770575	PHÙNG NGỌC SINH	CN09231100178	Tân Phố	85.200
43	8241139316	Nguyễn Thị Tuyết	047068715407	Tân Phố	254.760
44	8241139316	Nguyễn Thị Tuyết	047068715408	Tân Phố	254.760
45	8251985766	Nguyễn Công Bình	CN09231100144	Tân Phố	84.000
46	8251985773	Điện Văn Cương	CN09231100162	Tân Phố	148.200
47	8286561662	Nguyễn Cao Kỳ	047071050561	Tân Phố	176.400
48	8492626308	Trần Thị Ngọc Trâm	047042084588	Tân Phố	996.160
49	8492626308	Trần Thị Ngọc Trâm	047042084590	Tân Phố	468.160
50	8551115347	Lê Anh Đức	047042084463	Tân Phố	158.400
51	8642692609	Lưu Hải Châu	047042094261	Tân Phố	1.638.560
52	8642692609	Lưu Hải Châu	047042094261	Tân Phố	410.113
53	8650835057	Lại Thị Thắm	047042084586	Tân Phố	1.170.400
54	8650835057	Lại Thị Thắm	047042084586	Tân Phố	195.995
55	8793678444	Nguyễn Thị Nhung	047067616966	Tân Phố	73.606
56	8793678444	Nguyễn Thị Nhung	047067627057	Tân Phố	70.910
57	8813963315	Lưu Đình Hưởng	047067830087	Tân Phố	702.240
58	8830794681	Đậu Thị Minh Ký	047067829134	Tân Phố	554.400
59	8859843148	Tô Phùng Anh Tuấn	047067615157	Tân Phố	295.680
60	8872617130	NGUYỄN THỊ TUYẾT	047071050880	Tân Phố	752.700
61	8872617130	NGUYỄN THỊ TUYẾT	047071050881	Tân Phố	390.000

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ở) THÔN NAM PHỐ*(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08/10/2026)*

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN 10 (CŨ)					
1	3000404897	Trần Ngọc Anh	047071050172	Nam Phố	211.890
2	3000410322	Lê Thị Xuân	047071050176	Nam Phố	224.820
3	3000662087	Kiều Viết Thủy	047071050198	Nam Phố	168.000
4	3000880550	Lương Văn Sơn	047067487089	Nam Phố	98.000
5	3000888729	Hồ Thanh Hải	047067522944	Nam Phố	108.000
6	3000893006	Sử Thanh Sơn	047069028645	Nam Phố	105.600
7	3000904699	Phan Văn Sỹ	047069728883	Nam Phố	210.000
8	3000904699	Phan Văn Sỹ	047071050236	Nam Phố	360.000
9	3000910438	THÁI HOÀI THƯƠNG	047072734467	Nam Phố	231.000
10	3001304503	Hà Ngọc Thiên	047071050277	Nam Phố	180.000
11	3001379749	Phạm Đình Tuấn	047071050281	Nam Phố	72.000
12	3001802114	Nguyễn Đình Lân	047071050297	Nam Phố	105.000
13	3002164048	Lê Khánh Hải	047068350223	Nam Phố	72.000
14	8006285123	Nghiêm Tiến Dũng	047069287969	Nam Phố	168.000
15	8031611010	Hồ Văn Đức	047070337103	Nam Phố	159.600
16	8031611010	Hồ Văn Đức	047071050328	Nam Phố	159.600
17	8071652366	Võ Hùng Cường	047072268340	Nam Phố	192.000
18	8100746318	Trần Quốc Tuyết	CN09231900016	Nam Phố	91.000
19	8122617073	Ngô Văn Đoàn	047072170142	Nam Phố	144.000
20	8188595416	Nguyễn Chí Công	047071050413	Nam Phố	88.575
21	8193644323	Châu Quang Hải	CN09231400140	Nam Phố	50.760
22	8193644651	Phạm Văn thìn	CN09231700121	Nam Phố	78.000
23	8193646585	PHÙNG MẠNH HÀO	CN09230700093	Nam Phố	89.744
24	8193647518	Trần Đình Bút	047071050443	Nam Phố	240.000
25	8193648744	Đào Viết Mậu	CN09231600053	Nam Phố	51.800
26	8193649201	Đào Viết Quý	CN09231600103	Nam Phố	51.800
27	8193649508	Trần Thanh Hải	047071050449	Nam Phố	192.000
28	8193649508	Trần Thanh Hải	047072170203	Nam Phố	168.000
29	8193649508	Trần Thanh Hải	047072735966	Nam Phố	81.000
30	8227390648	LÊ VĂN DUYỆT	047071050466	Nam Phố	180.000
31	8240765871	Trần Thị Tân	CN09231700016	Nam Phố	56.000

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
32	8240765889	Đào Quốc Nam	CN09231700017	Nam Phố	63.000
33	8240765991	Lê Văn Sỹ	CN09231700028	Nam Phố	63.000
34	8240766096	Nghiêm Xuân Hùng	CN09231700040	Nam Phố	63.000
35	8240766184	Nguyễn Thế Hùng	CN09231700048	Nam Phố	56.000
36	8240766191	Đoàn Văn Sửu	CN09231700049	Nam Phố	94.500
37	8240766191	Đoàn Văn Sửu	CN09231700049	Nam Phố	667.800
38	8240766191	Đoàn Văn Sửu	CN09231700049	Nam Phố	230.982
39	8240766233	Nguyễn Văn Thắng	CN09231700054	Nam Phố	126.000
40	8240766258	TRẦN XUÂN THÁI	047072736246	Nam Phố	51.000
41	8240766307	lương Văn Kinh	CN09231700060	Nam Phố	56.000
42	8240766314	Phùng Quang Cự	CN09231700062	Nam Phố	91.000
43	8240766339	Nguyễn Văn Ninh	CN09231700064	Nam Phố	315.000
44	8240766427	Phan Duy Tài	CN09231700073	Nam Phố	196.000
45	8240766427	Phan Duy Tài	CN09231700074	Nam Phố	60.000
46	8240766473	Nguyễn Hữu Tạo	CN09231700080	Nam Phố	91.000
47	8240766498	Nguyễn Mạnh Hoàng	CN09231700083	Nam Phố	56.000
48	8240766762	Dương Thị Mận	CN09231700116	Nam Phố	56.000
49	8240766787	Trần Xuân Bình	CN09231700118	Nam Phố	189.000
50	8240767237	Nguyễn Dương Thìn	CN09231800046	Nam Phố	140.000
51	8240767389	Nguyễn Anh Sâm	CN09231800062	Nam Phố	210.000
52	8240767484	Lương Văn Thử	CN09231800074	Nam Phố	66.000
53	8240767484	Lương Văn Thử	CN09231800076	Nam Phố	66.000
54	8240770825	Nguyễn Tiến Đức	047067830434	Nam Phố	72.000
55	8240770832	Nguyễn thị Quế	CN09231900010	Nam Phố	91.000
56	8240770896	Nguyễn Thị Thuận	CN09231900015	Nam Phố	154.000
57	8240770977	Hồ Thị Khuyến	CN09231900025	Nam Phố	51.800
58	8240771000	Thái Xuân Bình	CN09231900029	Nam Phố	51.800
59	8240771025	Nguyễn thị Lan	CN09231900031	Nam Phố	91.000
60	8240771071	Trần Quốc Hà	CN09231900035	Nam Phố	91.000
61	8240771138	Trần Văn Lâm	CN09231900041	Nam Phố	630.000
62	8240771138	Trần Văn Lâm	CN09231900041	Nam Phố	152.964
63	8240771177	Lương Văn Long	CN09231900045	Nam Phố	91.000
64	8240771191	Nguyễn Văn Cường	CN09231900047	Nam Phố	91.000
65	8240771219	Trần Anh Tuấn	047072268535	Nam Phố	50.468

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
66	8240771219	Trần Anh Tuấn	CN09231900049	Nam Phố	70.000
67	8240771339	Nguyễn Trọng Đường	CN09231900064	Nam Phố	56.000
68	8241131638	Đinh Văn Học	047071050525	Nam Phố	168.000
69	8241183604	Phan Văn Giáo	047072268567	Nam Phố	159.600
70	8241183604	Phan Văn Giáo	047072268568	Nam Phố	159.600
71	8241185129	Nguyễn Phi Công	047069099789	Nam Phố	60.000
72	8251984674	Trần Nhất Trí	CN09231900028	Nam Phố	91.000
73	8251984699	Phan Văn Hào	CN09231900071	Nam Phố	1.050.000
74	8251984699	Phan Văn Hào	CN09231900071	Nam Phố	158.744
75	8251985773	Điện Văn Cương	047067669142	Nam Phố	96.000
76	8251985773	Điện Văn Cương	047071050552	Nam Phố	192.000
77	8251985861	Phan Thị Thanh	047072736657	Nam Phố	52.500
78	8300505704	Hồ Thị Quế	047071050582	Nam Phố	220.440
79	8300505704	Hồ Thị Quế	047071050583	Nam Phố	224.820
80	8430423379	Phan Quang	047069258004	Nam Phố	288.000
81	8430423379	Phan Quang	047069258130	Nam Phố	288.000
82	8481783482	LÊ KIM TUYẾN	047069633093	Nam Phố	1.680.000
83	8481783482	LÊ KIM TUYẾN	047071050678	Nam Phố	168.000
84	8481783482	LÊ KIM TUYẾN	047071050679	Nam Phố	168.000
85	8484709014	Thái Xuân Nam	047071050681	Nam Phố	180.000
86	8491955772	Nguyễn Phi Long	047069765104	Nam Phố	159.600
87	8535322427	Nguyễn Hữu Tình	047071050710	Nam Phố	357.750
88	8569636767	Nguyễn Đình Vũ	047069123762	Nam Phố	57.600
89	8569636767	Nguyễn Đình Vũ	047069123913	Nam Phố	57.600
90	8608862346	Ngô Văn Hòa	047067829506	Nam Phố	224.000
91	8664779564	Nguyễn Đình Cương	047068812922	Nam Phố	555.840
92	8664779564	Nguyễn Đình Cương	047068812922	Nam Phố	214.890
93	8664783391	Nguyễn Lộc	047068193987	Nam Phố	168.000
94	8726043632	Võ Minh Quyết	047071050808	Nam Phố	192.000
95	8756256765	Trần Thị Thanh	047072170632	Nam Phố	83.160
96	8793678444	Nguyễn Thị Nhung	047067582880	Nam Phố	77.546
97	8793678444	Nguyễn Thị Nhung	047067582882	Nam Phố	63.532
98	8892990277	Nguyễn Văn Hiểu	047069724650	Nam Phố	336.000
99	8892990277	Nguyễn Văn Hiểu	047071050890	Nam Phố	168.000

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
100	8906366897	NGUYỄN THỊ LAN	047069720127	Nam Phố	1.172.026
101	8906366897	NGUYỄN THỊ LAN	047071050898	Nam Phố	231.946
102	8927073531	PHẠM HỒNG QUÂN	047072734249	Nam Phố	63.000
103	8955616740	Lê Huỳnh Đức	047072734350	Nam Phố	264.000
THÔN 11 (CŨ)					
1	3000880342	Phan Xuân Định	CN09230500027	Nam Phố	61.600
2	3001293481	Nguyễn Thị Thanh Tâm	047072169980	Nam Phố	61.092
3	3001762824	Lê Văn Hạnh	047067901731	Nam Phố	54.000
4	4600624208	Nguyễn Quang Huy	047067622222	Nam Phố	727.530
5	8053669783	Hồ Bá Sơn	047068076974	Nam Phố	84.000
6	8053669783	Hồ Bá Sơn	047068082872	Nam Phố	130.000
7	8193647003	Nguyễn Thanh Tùng	CN09230700163	Nam Phố	63.000
8	8193649642	Phạm Quang Tuấn	CN09230500024	Nam Phố	104.000
9	8193649667	Phan Xuân Hùng	CN09230500026	Nam Phố	61.600
10	8193649681	Trần Văn Cường	CN09230500029	Nam Phố	70.000
11	8193649716	Nguyễn Văn Hải	CN09230500033	Nam Phố	70.000
12	8193649748	Nguyễn Bá Truyền	CN09230500038	Nam Phố	70.000
13	8193649794	Bùi Văn Hoá	047071050450	Nam Phố	515.760
14	8193649931	Hồ Thị Hoà	CN09230500058	Nam Phố	344.750
15	8193650006	Nguyễn anh Xuân	CN09230500066	Nam Phố	70.000
16	8193650020	Nguyễn Xuân Khoa	CN09230500069	Nam Phố	56.000
17	8193650038	Nguyễn Văn Hoàng	CN09230500070	Nam Phố	70.000
18	8193650126	Nguyễn Văn Mai	CN09230500079	Nam Phố	70.000
19	8193650133	Nguyễn Xuân Hoài	CN09230500081	Nam Phố	126.000
20	8193650172	TRẦN VĂN TRƯỞNG	CN09230500085	Nam Phố	63.000
21	8193650197	Thái Thân	CN09230500086	Nam Phố	63.000
22	8193650214	Trần Văn Mạnh	CN09230500089	Nam Phố	61.600
23	8193650246	Phan Xuân Trọng	CN09230500092	Nam Phố	63.000
24	8193650253	Nguyễn Thị Hồng	CN09230500093	Nam Phố	63.000
25	8193650260	Hồ Hải Hạnh	CN09230500094	Nam Phố	70.000
26	8193650285	Lê Ngọc Lân	CN09230500096	Nam Phố	63.000
27	8193650415	Phạm Thị Hương	CN09230500113	Nam Phố	58.800
28	8193650447	Nguyễn Thị Cương	CN09230500115	Nam Phố	56.000
29	8193650486	Phan Xuân Lộc	CN09230500119	Nam Phố	63.000

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
30	8193650493	Nghiêm Xuân Hồng	CN09230500120	Nam Phố	63.000
31	8193650623	Đào Ngọc Hợi	CN09230500133	Nam Phố	56.000
32	8193650630	Phan Thị Thanh	CN09230500134	Nam Phố	63.000
33	8193650648	Phạm Lợi Hoàng	CN09230500136	Nam Phố	126.000
34	8193650655	Phan Xuân Quỳnh	CN09230500137	Nam Phố	70.000
35	8193650694	Phạm Thị Tâm	CN09230500140	Nam Phố	58.800
36	8227597000	TRẦN THỊ HỒNG	CN09231800008	Nam Phố	88.200
37	8240762711	Nguyễn Minh Cảnh	CN09231800034	Nam Phố	65.000
38	8240766836	Trần Thị Hương	CN09231800005	Nam Phố	88.200
39	8240766836	Trần Thị Hương	CN09231800088	Nam Phố	65.000
40	8240766850	Lương Văn Tuyên	CN09231800007	Nam Phố	88.200
41	8240766882	Đào Viết Thảo	CN09231800011	Nam Phố	70.000
42	8240766924	Nguyễn Văn Thái	CN09231800014	Nam Phố	70.000
43	8240767004	Phan Thị Vinh	CN09231800026	Nam Phố	70.000
44	8240767029	Lương Văn Trị	CN09231800028	Nam Phố	70.000
45	8240767036	Trần Thị Lài	CN09231800029	Nam Phố	70.000
46	8240767075	Trần Văn Đức	CN09231800033	Nam Phố	70.000
47	8240767269	Phan Duy Liên	CN09231800049	Nam Phố	111.342
48	8240767283	LƯƠNG QUỐC THỊNH	CN09231800051	Nam Phố	70.000
49	8240767332	Phan Thị Xuân	CN09231800058	Nam Phố	70.000
50	8240767477	Dương Bá Sô	CN09231800073	Nam Phố	70.000
51	8240767526	Lê Thanh Tùng	CN09231800081	Nam Phố	70.000
52	8240767692	Phạm Thị Hà	CN09231800100	Nam Phố	91.000
53	8240767741	Lê Thị Em	CN09231800104	Nam Phố	70.000
54	8240767773	Nguyễn Thị Hải	CN09231800108	Nam Phố	88.200
55	8240767780	Nguyễn Thị Nhung	CN09231800109	Nam Phố	70.000
56	8240767798	Tổng Thị Bình	CN09231800111	Nam Phố	70.000
57	8240768350	Trần Văn Nam	CN09231000373	Nam Phố	51.000
58	8240768664	Từ Đăng Phong	047071050507	Nam Phố	60.000
59	8240768664	Từ Đăng Phong	CN09231000424	Nam Phố	170.000
60	8240770783	Nguyễn thị Tân	CN09231900003	Nam Phố	88.200
61	8240770818	Trịnh Thị Nghĩa	CN09231900006	Nam Phố	140.000
62	8240771089	Trần Thị Diệu	CN09231900036	Nam Phố	72.100
63	8240771106	Lê thị Tịnh	CN09231900038	Nam Phố	88.200

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
64	8240771265	Trần Văn Hùng	CN09231900055	Nam Phố	88.200
65	8240771949	Nghiêm Khắc Sơn	047072170289	Nam Phố	318.500
66	8244226888	NGuyễn Thành	CN09230500088	Nam Phố	63.000
67	8244226905	Lê Hùng	CN09230500112	Nam Phố	112.000
68	8244226937	Hồ Thị Xoan	CN09230500135	Nam Phố	70.000
69	8244226944	Trần Thị Lan	CN09230500141	Nam Phố	140.000
70	8251985004	Lê Hữu Lợi	CN09230400872	Nam Phố	51.000
71	8251985004	Lê Hữu Lợi	CN09230400873	Nam Phố	51.600
72	8251986329	Phan Thị Hồng	CN09231800022	Nam Phố	70.000
73	8251986375	Nguyễn Mạnh Tiến	CN09231800106	Nam Phố	62.000
74	8366100699	Lương Thị Thìn	047042153037	Nam Phố	105.000
75	8381333881	Trần Thanh Hải	047067772178	Nam Phố	288.000
76	8501405273	Lưu Chí Cương	047069720237	Nam Phố	866.400
77	8658333757	Trần Văn Bình	047042152989	Nam Phố	224.000
78	8708863329	Nguyễn Thị Điền	047069266682	Nam Phố	87.000
79	8753459693	Phan Xuân Ninh	047068397406	Nam Phố	96.600
80	8757341004	Lương Duy Khánh	047069766436	Nam Phố	60.000
81	8757341004	Lương Duy Khánh	047070348022	Nam Phố	103.680
82	8757341004	Lương Duy Khánh	047071050823	Nam Phố	132.000
83	8792662258	Phan Duy Tiến	047071050845	Nam Phố	90.000
84	8809564967	Nguyễn Đức Hiệu	047067621767	Nam Phố	252.000
85	8842281437	Nguyễn Thị Tâm	047067622404	Nam Phố	576.000
86	8848265946	NGUYỄN THỊ THOÁ	047068265215	Nam Phố	156.000
87	8860157390	Lương Xuân Đạt	047067615163	Nam Phố	112.000
88	8869090165	Bùi Hồng quân	047072734061	Nam Phố	403.200
89	8874176682	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	047072734063	Nam Phố	63.000
90	8906383892	NGUYỄN THỊ LỘC	047071050899	Nam Phố	359.562
91				Nam Phố	

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ở) THÔN BẮC PHÚ*(Kèm theo Thông báo số 401 /TB-UBND ngày 08/10/2026)*

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN CÔNG ĐĂNG (CŨ)					
1	3000662087	Kiều Viết Thuý	047066052688	Bắc Phú	62.400
2	3000972917	Trần Văn Vượng	047071050244	Bắc Phú	75.000
3	3001057685	HỒ SỸ HOÀNG	047066052453	Bắc Phú	90.000
4	3001150589	Lê Đức Thọ	047071050261	Bắc Phú	240.000
5	3001150589	Lê Đức Thọ	047071050262	Bắc Phú	120.000
6	3001150589	Lê Đức Thọ	047071050263	Bắc Phú	120.000
7	8026232761	Phan Tiến Linh	047071050319	Bắc Phú	56.000
8	8026233268	Đoàn Văn Minh	CN09590300077	Bắc Phú	67.500
9	8026233268	Đoàn Văn Minh	CN09590300078	Bắc Phú	81.000
10	8087988555	ĐOÀN HIỀN LƯƠNG	047067524122	Bắc Phú	211.176
11	8194719765	Nguyễn Tiến Linh	CN09590300073	Bắc Phú	81.000
12	8194723793	Trần Đức Thuận	047071050457	Bắc Phú	94.620
13	8241178178	Trần Thị Thủy	047071050536	Bắc Phú	120.000
14	8241185129	Nguyễn Phi Công	047072170333	Bắc Phú	150.000
15	8241185129	Nguyễn Phi Công	047072170334	Bắc Phú	120.000
16	8249155045	Nguyễn Tài Tuệ	047071050546	Bắc Phú	120.000
17	8323368109	Nguyễn Đình Khanh	047071050604	Bắc Phú	120.000
18	8361955926	Cao Thị Kim Quy	047072268669	Bắc Phú	217.440
19	8365458280	Lê Văn Đạt	047071050630	Bắc Phú	186.375
20	8365458280	Lê Văn Đạt	047071050634	Bắc Phú	119.580
21	8365458280	Lê Văn Đạt	047071050635	Bắc Phú	121.920
22	8365458280	Lê Văn Đạt	047071050636	Bắc Phú	180.975
23	8403629821	Vũ Văn Toàn	047072268686	Bắc Phú	152.400
24	8437100049	Phạm Thị Thu	047071050652	Bắc Phú	103.980
25	8437100049	Phạm Thị Thu	047071050653	Bắc Phú	111.480
26	8494798239	Trần Văn Công	047068642385	Bắc Phú	90.000
27	8560392499	Nguyễn Thị Hương	047041073302	Bắc Phú	132.000
28	8669179514	Hoàng Thị Nga	047071050774	Bắc Phú	192.360
29	8669179514	Hoàng Thị Nga	047071050775	Bắc Phú	288.750
30	8737140388	Phạm Thị Sen	047071050814	Bắc Phú	120.000
31	8955143928	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	047072269134	Bắc Phú	180.975
32	8955143928	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	047072269135	Bắc Phú	173.250

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN ĐẠI VUÔNG (CŨ)					
1	3000610547	Trần Thị Lành	047071050190	Bắc Phú	54.000
2	3000643888	Nguyễn Thị Thành Lê	047041411182	Bắc Phú	60.000
3	3000808699	Trần Thị Thanh Nga	047071050223	Bắc Phú	99.000
4	3000810761	Trần Quốc Túy	047067539472	Bắc Phú	54.000
5	3000880832	Nguyễn Thị Hồng Lam	047072268230	Bắc Phú	167.400
6	3001059636	Phan Thế Hùng	047042111991	Bắc Phú	119.700
7	3001059636	Phan Thế Hùng	047042111992	Bắc Phú	119.700
8	3001059636	Phan Thế Hùng	CN09591300015	Bắc Phú	90.000
9	3001127290	Hoàng Thị Vân	047071050256	Bắc Phú	99.000
10	8020424114	Nguyễn Huy Hoài	047067557070	Bắc Phú	60.000
11	8194727572	Đào Xuân Liên	CN09591300084	Bắc Phú	300.000
12	8194727773	Phạm Văn Huyền	047068513489	Bắc Phú	412.533
13	8194727780	Lê văn Nông	CN09591300060	Bắc Phú	266.000
14	8194727780	Lê văn Nông	CN09591300060	Bắc Phú	149.067
15	8194776594	NGUYỄN THẾ ANH	047071050462	Bắc Phú	187.125
16	8240770014	Nguyễn Nhật Thắng	047069633933	Bắc Phú	70.876
17	8241150359	NGUYỄN VĂN DƯỠNG	047069024840	Bắc Phú	240.598
18	8349875738	NGUYỄN THẾ VỊ	047071050621	Bắc Phú	243.000

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỏ) THÔN HƯƠNG PHÚ

(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08/10/2026)

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN VỌNG SƠN (CŨ)					
1	8194726427	Hồ Thị Bích	047071050460	Hương Phú	59.400
THÔN TIÊN SƠN (CŨ)					
1	8080952990	Lê Văn Đồng	047072268345	Hương Phú	56.000
2	8680541223	Nguyễn Đức Dũng	047068703389	Hương Phú	89.040

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỏ) THÔN HỒNG PHÚ

(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08/10/2026)

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN CỬA NƯƠNG (CỦ)					
1	8194720305	Nguyễn Khắc Hoan	CN09590400069	Hồng Phú	240.000
2	8194720506	CAO XUÂN SỬ	047068348671	Hồng Phú	90.000
3	8470172883	LÊ THỊ BÔNG	047069718652	Hồng Phú	180.000
4	8769829357	Nguyễn Thị Hòa	047069720540	Hồng Phú	180.000
THÔN CỬA NƯƠNG (CỦ)					
1	8810284065	Hồ Trần Hữu	047069720433	Hồng Phú	180.000
2	8899228526	Nguyễn Thị Ngoạn	047072734143	Hồng Phú	924.000
THÔN AN PHÚ (CỦ)					
1	8636069001	Phạm Công Hiếu	047069633149	Hồng Phú	60.000

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ở) THÔN TRUNG HÀ

(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08/10/2026)

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN TIÊN LONG (CŨ)					
1	3001081663	Điện Anh Quốc	047069196373	Trung Hà	67.500
2	8227520625	PHẠM VĂN ĐỆ	CN09470600034	Trung Hà	151.200
THÔN HÀ TRÀNG (CŨ)					
1	8259590329	NGUYỄN THỊ LIỆU	047070321842	Trung Hà	142.940
2	8614895614	Lê Thị An	047067805209	Trung Hà	61.236

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỗ) THÔN TRUNG THÀNH

(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08 /10/2026)

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN LÂM THÀNH (CŨ)					
1	3001460118	Nguyễn Thu Hiền	047072734842	Trung Thành	180.000
2	3001460118	Nguyễn Thu Hiền	047072734844	Trung Thành	180.000
3	8364604179	Nguyễn Phương Hoài	047072737147	Trung Thành	179.925
4	8364604179	Nguyễn Phương Hoài	047072737151	Trung Thành	180.075
5	8364604179	Nguyễn Phương Hoài	047072737153	Trung Thành	180.000
6	8364604179	Nguyễn Phương Hoài	047072737155	Trung Thành	179.250
7	8364604179	Nguyễn Phương Hoài	047072737167	Trung Thành	175.050
8	8720764469	Nguyễn Văn Hiền	047069082320	Trung Thành	168.600
THÔN TRUNG THỊNH (CŨ)					
1	8241873686	Hồ Đình Huyền	047071050540	Trung Thành	136.500
2	8241874016	Hồ Đình Hòa	047072268575	Trung Thành	113.705
3	8259590664	Phạm Văn Sứ	047067796195	Trung Thành	89.775
THÔN TÂN TRÀNG (CŨ)					
1	3001276655	Nguyễn Thế Anh	047067892108	Trung Thành	110.880
2	8668516326	Võ Thị Ly	047067865138	Trung Thành	85.050

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ở) THÔN TRUNG MỸ

(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08/10/2026)

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN HẢI THƯỢNG (CŨ)					
1	3001013335	Phan Thị Nguyên	047072169935	Trung Mỹ	135.000
2	8003448940	Nguyễn Đức Thuận	047067886958	Trung Mỹ	257.502
3	8227521259	Phan Thị Thanh	047069728736	Trung Mỹ	360.000
4	8227521298	Hồ Thị Nguyên	CN09471700028	Trung Mỹ	216.000
5	8227521474	Phạm Văn Bồng	047072268477	Trung Mỹ	56.070
6	8227521474	Phạm Văn Bồng	CN09471700050	Trung Mỹ	50.400
7	8227521587	Hồ Xuân Lý	CN4050947170000283339	Trung Mỹ	216.000
8	8254763881	Nguyễn Thanh Bình	047070332932	Trung Mỹ	1.147.500
9	8508423105	Nguyễn Mạnh Dân	047072268799	Trung Mỹ	147.000
10	8825462063	Phan Thanh Quang	047069123565	Trung Mỹ	172.276
11	8959838021	BÙI THỊ TIU	047072269154	Trung Mỹ	211.663
THÔN YÊN SƠN (CŨ)					
1	3000273108	Hồ Thị Từ	047070321845	Trung Mỹ	142.380
2	3000924818	Nguyễn Trọng Hải	047072734496	Trung Mỹ	240.100
3	3000924818	Nguyễn Trọng Hải	047072734498	Trung Mỹ	180.000
4	8523653329	Phan Văn Bang	047071050703	Trung Mỹ	169.344
5	8920832927	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	047069718653	Trung Mỹ	180.000
THÔN MỸ SƠN (CŨ)					
1	3000918959	Trần Tự Tịnh	047070322130	Trung Mỹ	205.800
2	8227520287	Thái Thị Khang	CN09471400097	Trung Mỹ	607.800
3	8227520287	Thái Thị Khang	CN09471400097	Trung Mỹ	108.473

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỏ) THÔN HỮU BẰNG

(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08/10/2026)

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN KIM BẰNG (CŨ)					
1	3000398668	Phan Văn Nghệ	047071050169	Hữu Bằng	57.600
2	3000610995	Nguyễn Thị Phương Lan	047072268197	Hữu Bằng	85.500
3	3000682076	Lê Nhật Lệ	047071050199	Hữu Bằng	57.000
4	3000683908	Nguyễn Quốc Tân	047072169843	Hữu Bằng	63.360
5	3000766801	Cù Thị Hoa	047071050217	Hữu Bằng	64.800
6	8227520784	LÊ QUANG TRUNG	047071050467	Hữu Bằng	67.200
7	8316812041	Hoàng Thị Nguyệt	047072268629	Hữu Bằng	72.000
8	8607779134	NGUYỄN THỊ HỒNG GẮM	047072268877	Hữu Bằng	64.800
9	8668516326	Võ Thị Ly	047072268916	Hữu Bằng	63.360

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỏ) THÔN SƠN BẰNG*(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08/10/2026)*

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN THỊNH BẰNG (CŨ)					
1	3001127290	Hoàng Thị Vân	047071050259	Sơn Bằng	107.928
2	8184942073	PHẠM THÁI QUỲNH	047031937420	Sơn Bằng	54.000
3	8184942073	PHẠM THÁI QUỲNH	CN09150300103	Sơn Bằng	54.000
4	8184942080	Nguyễn Công Nam	CN09150300157	Sơn Bằng	230.400
5	8184942098	LÊ VĂN THUẬN	CN09150300154	Sơn Bằng	230.400
6	8184943292	ĐÀO THỊ HÀ	047069718849	Sơn Bằng	90.000
7	8650834159	Nguyễn Thị Hương	047042020408	Sơn Bằng	56.550
THÔN TRUNG BẰNG (CŨ)					
1	3000881089	Nguyễn Thị Hồng Phấn	047071050230	Sơn Bằng	98.420
2	3001127290	Hoàng Thị Vân	047071050257	Sơn Bằng	91.200
3	3001127290	Hoàng Thị Vân	047072734641	Sơn Bằng	144.000
4	3001555708	Hồ Thị Lành	047071050286	Sơn Bằng	163.248
5	8190618685	Lê Quang Nguyên	047071050429	Sơn Bằng	114.000
6	8553870017	Nguyễn Thị Tuyết Nga	047072268854	Sơn Bằng	192.090
7	8630862905	Nguyễn Thế Hùng	047069724361	Sơn Bằng	85.215
8	8726917827	Nguyễn Thanh Bình	047068705982	Sơn Bằng	57.636
9	8726917827	Nguyễn Thanh Bình	047068709740	Sơn Bằng	172.908
10	8801784424	NGUYỄN THU HÀ	047073181204	Sơn Bằng	91.200
11	8801784424	NGUYỄN THU HÀ	047073181330	Sơn Bằng	91.200
12	8856247683	Nguyễn Thị Hải Sâm	047067611394	Sơn Bằng	296.436
13	8891809053	TRẦN ĐÌNH TÙY	047068696316	Sơn Bằng	81.000
14	8919117344	Nguyễn Song Hải	047071050919	Sơn Bằng	114.000
15	8926953396	ĐÀO DUY SÍNH	047071050936	Sơn Bằng	100.520

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỏ) THÔN SƠN NINH

(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08/10/2026)

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN DƯƠNG ĐÌNH (CŨ)					
1	8186473243	Nguyễn Văn Thảo	047041074858	Sơn Ninh	59.800
2	8981300101	Hoàng Thị Hiền	047072734807	Sơn Ninh	60.000
THÔN TRÀ SƠN (CŨ)					
1	3000455997	Phan Anh Đông	047072734089	Sơn Ninh	60.000
2	8086309507	Nguyễn Đình Diễm	047067846886	Sơn Ninh	96.416
3	8662548522	Nguyễn Khắc Nhật	047070338878	Sơn Ninh	73.800
4	8662548522	Nguyễn Khắc Nhật	047071050770	Sơn Ninh	73.800
1	3000118046	Ngô Thị Oanh	047071050005	Sơn Ninh	75.600
2	8186479164	Đào Quốc Lâm	047071050410	Sơn Ninh	324.000
3	8527859257	Nguyễn Trần Cảnh	047071050704	Sơn Ninh	94.080

UBND XÃ HƯƠNG SƠN

DANH SÁCH NỘP THUẾ PHI NÔNG NGHIỆP (ĐẤT Ỏ) THÔN NINH XÁ

(Kèm theo Thông báo số 401/TB-UBND ngày 08 /10/2026)

Số TT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã phi nông nghiệp	Thôn	Tổng số thuế phải nộp
THÔN TÂN BÌNH (CŨ)					
1	8854363941	Đào Thị Phúc	047072734015	Ninh Xá	539.700
THÔN NINH XÁ (CŨ)					
1	3000768238	Trần Thị Bích Liên	047072169873	Ninh Xá	117.482
2	8227336390	Lê Thị Hồng	047071050465	Ninh Xá	57.211
3	8317762192	Lê Đình Trọng	047071050600	Ninh Xá	154.000
4	8940427677	LÊ THANH HẢI	047071051001	Ninh Xá	154.000
THÔN TRƯỜNG AN (CŨ)					
1	8194775826	Phạm Đàn	047072736024	Ninh Xá	148.680
1	3000118046	Ngô Thị Oanh	047071050005	Ninh Xá	75.600
2	8186479164	Đào Quốc Lãm	047071050410	Ninh Xá	324.000
3	8527859257	Nguyễn Trần Cảnh	047071050704	Ninh Xá	94.080

UBND XÃ HƯƠNG SƠN